BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT SỬ DỤNG ĐẤT

TT	TÊN LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH(M2)	TỶ LỆ(%)		TẦNG CAO (TẦNG)	MẬT ĐỘ XD (%)	HỆ SỐ SDD (LẦN)	SỐ HỘ (CĂN)	DÂN SỐ (NGƯỜI)	CHỈ TIÊU ĐẤT ĐƯỢC (M2/NGƯỜI)
				TRONG TỔNG DT	TRONG TỪNG LOẠI ĐẤT						
	RANH GIỚI QUY HOẠCH		**611240,11**	**100,00**							
1	**ĐẤT Ở**		**148481,92**	**24,29**	**100,00**	**3÷5**	**90**	**2,7÷4,5**	**1696**	**6784**	21,89
1.1	**ĐẤT Ở THẤP TẦNG**	LK	**123629,36**	**20,23**	**83,26**	**3÷5**	**90**	**2,7÷4,5**	**1306**	**5224**	23,67
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-01*	3388,00			3÷5	90	2,7÷4,5	36	144	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-02*	5539,00			3÷5	90	2,7÷4,5	60	240	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-03*	5539,00			3÷5	90	2,7÷4,5	60	240	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-04*	3008,00			3÷5	90	2,7÷4,5	30	120	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-05*	3008,00			3÷5	90	2,7÷4,5	30	120	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-06*	3026,00			3÷5	90	2,7÷4,5	33	132	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-07*	3481,93			3÷5	90	2,7÷4,5	36	144	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-08*	5469,13			3÷5	90	2,7÷4,5	57	228	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-09*	1584,00			3÷5	90	2,7÷4,5	16	64	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-10*	2057,68			3÷5	90	2,7÷4,5	20	80	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-11*	8969,07			3÷5	90	2,7÷4,5	87	348	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-12*	5037,41			3÷5	90	2,7÷4,5	54	216	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-13*	3365,50			3÷5	90	2,7÷4,5	36	144	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-14*	3372,17			3÷5	90	2,7÷4,5	36	144	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-15*	3373,17			3÷5	90	2,7÷4,5	36	144	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-16*	3372,29			3÷5	90	2,7÷4,5	36	144	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-17*	2848,39			3÷5	90	2,7÷4,5	27	108	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-18*	2904,21			3÷5	90	2,7÷4,5	22	88	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-19*	9824,46			3÷5	90	2,7÷4,5	99	396	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-20*	8724,00			3÷5	90	2,7÷4,5	88	352	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-21*	7263,55			3÷5	90	2,7÷4,5	78	312	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-22*	6587,22			3÷5	90	2,7÷4,5	69	276	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-23*	4183,92			3÷5	90	2,7÷4,5	58	232	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-24*	5293,77			3÷5	90	2,7÷4,5	71	284	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-25*	3776,44			3÷5	90	2,7÷4,5	39	156	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-26*	2213,29			3÷5	90	2,7÷4,5	24	96	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-27*	2959,94			3÷5	90	2,7÷4,5	32	128	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-28*	1412,72			3÷5	90	2,7÷4,5	15	60	
	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	*LK-29*	2047,10			3÷5	90	2,7÷4,5	21	84	
1.2	**ĐẤT Ở CAO TẦNG**	*OCT*	**24852,56**	**4,07**	**16,74**	**9÷15**	**40**	**3,6÷6**	**390**	**1560**	15,93
	ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG	*OCT-01*	24852,56			9÷15	40	3,6÷6	391	1564	
2	**ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ**	*TMDV*	**42123,49**	**6,89**	**100,00**						6,21
	CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	*TMDV-01*	30382,25			7÷9	40	2,8÷3,6			
	CHỢ	*TMDV-02*	3492,00			1÷3	40	0,4÷1,2			
	BÊ BƠI CÓ MÁI CHE	*TMDV-03*	2386,49			1÷3	80	0,8÷2,4			
	CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	*TMDV-04*	5862,75			7÷9	70	4,9÷6,3			
3	**ĐẤT GIÁO DỤC**	*GD*	**21202,24**	**3,47**	**100,00**		**40**	**0,4÷2**			3,13
	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	*GD-01*	3083,65			1÷3	40	0,4÷1,2			
	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	*GD-02*	7639,80			1÷5	40	0,4÷2			
	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	*GD-03*	3421,80			1÷3	40	0,4÷1,2			
	ĐẤT CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC	*GD-04*	7056,99			1÷5	40	0,4÷2			
4	**ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở**	*CC*	**10272,88**	**1,68**	**100,00**						1,51
4.1	**ĐẤT CÔNG TRÌNH VĂN HÓA**	*CC*	**8751,45**	**1,43**	**85,19**	**1÷3**	**40**	**0,4÷1,2**			
	ĐẤT CÔNG TRÌNH NHÀ SHCD-01	*CC-01*	2182,73			1÷3	40	0,4÷1,2			
	ĐẤT CÔNG TRÌNH NHÀ SHCD-02	*CC-02*	1389,72			1÷3	40	0,4÷1,2			
	ĐẤT TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ THAO	*CC-03*	5179,00			5÷7	40	2÷2,8			
4.2	**ĐẤT CÔNG TRÌNH Y TẾ**	*YT*	**1521,43**	**0,25**	**14,81**	**1÷3**	**40**	**0,4÷1,2**			
5	**ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ**	*CXDT*	**46561,54**	**7,62**	**100,00**		**5**	**0,05**			
6	**ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở**	*CX*	**38652,00**	**6,32**	**100,00**			-			5,70
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-01*	5077,82			1	5	0,05			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-02*	2710,87			-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-03*	4432,37			1	5	0,05			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-04*	6834,29			1	5	0,05			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-05*	2977,40			-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-06*	929,58			-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-07*	13064,06			-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-08*	2255,61			-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	*CX-09*	370,00			-	-	-			
7	**ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY**	*CXCL*	**6238,90**	**1,02**	**100,00**	-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	CXCL-01	5270,67			-	-	-			
	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	CXCL-02	968,23			-	-	-			
8	**ĐẤT BÃI ĐỖ XE**	*BDX*	**21414,68**	**3,50**	**100,00**	**1**	**5**	**0,05**			3,16
	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	*BDX-01*	2577,28			1	5	0,05			
	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	*BDX-02*	2797,50			1	5	0,05			
	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	*BDX-03*	7745,93			1	5	0,05			
	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	*BDX-04*	2444,86			1	5	0,05			
	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	*BDX-05*	5849,11			1	5	0,05			
9	**ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT**	*HTKT*	**31614,26**	**5,17**	**100,00**						
9.1	**MẶT NƯỚC HOÀN TRẢ**	*MN*	**7173,24**	**1,17**	**22,69**	-	-	-			
	MẶT NƯỚC HOÀN TRẢ	*MN-01*	5583,92			-	-	-			
	MẶT NƯỚC HOÀN TRẢ	*MN-02*	1589,32			-	-	-			
9.2	**TA LUY, KÈ CHẮN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT**		**22443,12**	**3,67**	**70,99**	-	-	-			
9.3	**TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**	*HTKT*	**1997,90**	**0,33**	**6,32**	**1**	**50**	**0,5**			
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	*HTKT-01*	1997,90			1	50	0,5			
	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	*HTKT-02*	2208,73			1	50	0,5			
10	**ĐẤT GIAO THÔNG**	*GT*	**244678,20**	**40,03**	**100,00**	-	-	-			
	ĐẤT GIAO THÔNG LIÊN KHU VỰC (ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT VÀ ĐƯỜNG TỈNH 295)		70160,25	11,48	28,67	-	-	-			
	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ		174517,95	28,55	**71,33**	-	-	-			

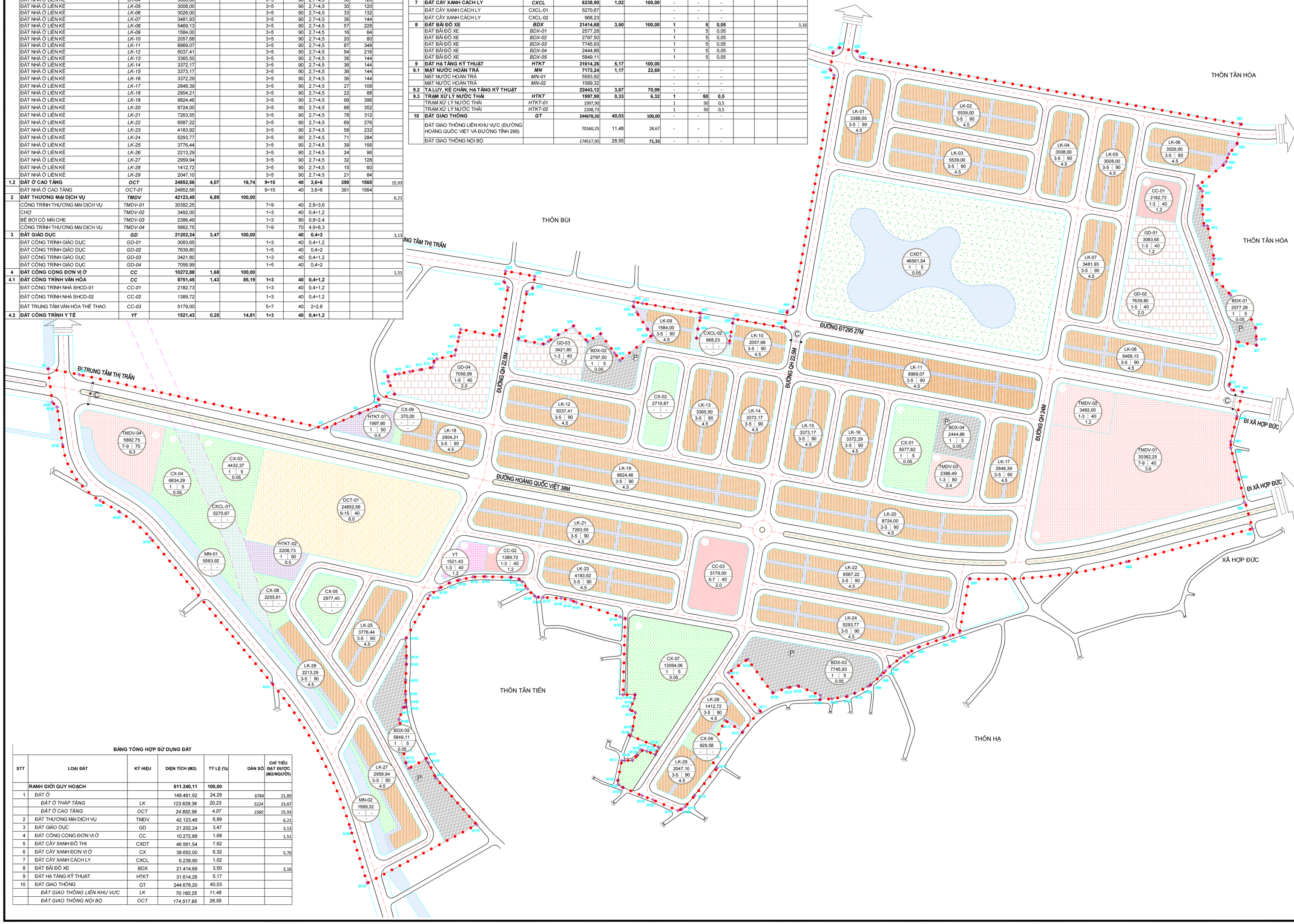

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)	DÂN SỐ	CHỈ TIÊU ĐẤT ĐƯỢC (M2/NGƯỜI)
	RANH GIỚI QUY HOẠCH		**611.240,11**	**100,00**		
1	ĐẤT Ở		148.481,92	24,29	6784	21,89
	ĐẤT Ở THẤP TẦNG	*LK*	*123.629,36*	*20,23*	*5224*	*23,67*
	ĐẤT Ở CAO TẦNG	*OCT*	*24.852,56*	*4,07*	*1560*	*15,93*
2	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	TMDV	42.123,49	6,89		6,21
3	ĐẤT GIÁO DỤC	GD	21.202,24	3,47		3,13
4	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở	CC	10.272,88	1,68		1,51
5	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ	CXDT	46.561,54	7,62		
6	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	CX	38.652,00	6,32		5,70
7	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	CXCL	6.238,90	1,02		
8	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	BDX	21.414,68	3,50		3,16
9	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	HTKT	31.614,26	5,17		
10	ĐẤT GIAO THÔNG	GT	244.678,20	40,03		
	ĐẤT GIAO THÔNG LIÊN KHU VỰC	*LK*	*70.160,25*	*11,48*		
	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ	*OCT*	*174.517,95*	*28,55*		

B

0 50 100M

KÝ HIỆU

STT	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU
01	RANH GIỚI QUY HOẠCH	
02	ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ	
03	ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG	
04	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	
05	ĐẤT GIÁO DỤC	
06	ĐẤT CÔNG CỘNG ĐƠN VỊ Ở	
07	ĐẤT Y TẾ	
08	ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ	
09	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	
10	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	
11	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	
12	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
13	VỈA HÈ	
14	ĐẤT GIAO THÔNG	

CHÚ THÍCH:

- CÔNG TRÌNH VĂN HÓA
- CÔNG TRÌNH Y TẾ
- TT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- TRƯỜNG MẦM NON
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- CÔNG VIÊN CÂY XANH KẾT HỢP SÂN CHƠI THỂ THAO
- (P) BÃI ĐỖ XE
- (T) BIỂU TƯỢNG
- (C) CÔNG CHÀO ĐÔ THỊ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC

TÊN LÔ ĐẤT
DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M2) — LK-01 3388,00 3-5 90 4,5 — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
TẦNG CAO TỐI ĐA — HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: ...../QĐ-UBND, NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2020

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC GIANG
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ:..... NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2020

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: ..... NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2020

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
KHU ĐÔ THỊ PHÍA ĐÔNG, THỊ TRẤN CAO THƯỢNG, HUYỆN TÂN YÊN
THỊ TRẤN CAO THƯỢNG - HUYỆN TÂN YÊN - TỈNH BẮC GIANG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03	**GHÉP: 01 A0**	**TỶ LỆ: FIT**	**THÁNG: .../2020**
THIẾT KẾ	**KTS. HOÀNG NGHĨA NHẬT ANH**		
CHỦ TRÌ	**KTS. VŨ NGUYỆT MINH**		
CHỦ NHIỆM	**KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG**		
TRƯỞNG PHÒNG	**KTS. NGUYỄN TIẾN DŨNG**		
Q.L. KỸ THUẬT	**KS. TÔ ĐÌNH PHÚ**		

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN VĂN CA

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VIỆT NAM IDC
TRỤ SỞ: SỐ 2, NGÁCH 10/7, NGÕ 10 PHỐ PHÁO ĐÀI LÁNG
PHƯỜNG LÁNG THƯỢNG - QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TEL: 024.37759373; WEB: IDCVIETNAM.ORG